

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+CTK3	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
2		RP3+P7+P3	7:25	21+0+1	0+0+0		10+2+10	0+0+0	chuyen 6 P7- P3
3		PPD+RP2+RP3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	chuyen 3 rp2- rp3
4		PPD+TD3+CTK3	7:25	19+3+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	chuyen 2 tdd3- ctk3
5		P4+BK9+BK10	9:25	21+0+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	chuyen 1 bk9- bk10
6		VSP01+GTCl	9:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
7		P2+VSP01	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
8		AMD+P2	9:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
9		TTC3+CTK3	11:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
10		PPD	11:25	22	0		22	0	
11		RP3+PPD	11:25	14+7	0+0		0+22	0+0	
12		T.UNG	11:25	15	0		19	0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK16 - CTK3	CREW: XHOÀN - ĐNAM - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3756	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN MẬU	BK16	58-59	2	6			64	CTY TNHH	Vietnamese
2	HOANG NGOC TUNG	BK16	62	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO KIM CUƠNG	BK16	67	1	2			58	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH THẮNG	BK16	68	1	2			80	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	63	1	3	3	45	90	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH HIỂU	BK16	64-65	2	16			73	CODIEN	Vietnamese
7	DOÀN VIỆT ĐÔNG	BK16	66	1	11	2	26	76	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ VĂN THỊNH	BK16	60-61	2	10			61	PSV	Vietnamese
9	BOGDANOV EVGENII	CTK3	30	1	6			80	KH-THAC	Russian
10	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	24	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	25	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	26	1	7	3	50	60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	27	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	34	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BẠC HÀ	CTK3	21-22	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	33	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀM VĂN THÀNH	CTK3	23	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ DUY AN	CTK3	31	1	12			120	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	32	1	8	1	15	70	ANTOAN	Vietnamese
20	LÊ THANH CHUNG	CTK3						74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	28	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
22	PHÙNG ĐÌNH HAI	CTK3	29	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	8	567	11	53	5	71	5		
2	CTK3	14	1.018	14	82	4	65	17		
TOTAL		22	1.585	25	135	9	136	22		
WEIGHT KG			1.585		135		136			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

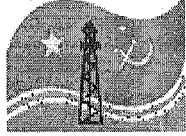
NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP3 - P7 - P3	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3750	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	42	1	3	2	13	54	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	46-47	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN HÙNG	RP3	30	1	4			77	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	28	1	6			70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3						62	KHI	Vietnamese
6	HOANG ĐỨC LÂM ANH	RP3	29	1	3			77	KHI	Vietnamese
7	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	37	1	5			67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	33	1	4			85	KHI	Vietnamese
9	LÂM TIỀN PHI	RP3	32	1	6			80	KHI	Vietnamese
10	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	31	1	4			78	KHI	Vietnamese
11	DUƠNG VĂN VAO	RP3	34	1	3			79	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	22	1	7			78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	45	1	6			71	KHI	Vietnamese
14	HOANG VĂN CHIÊN	RP3	25-26	2	7			76	KHI	Vietnamese
15	PHẠM DUY DŨNG	RP3						78	KHI	Vietnamese
16	PHAN ANH KHANG	RP3	23-24	2	19			66	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NAM	RP3	35-36	2	11			78	KHI	Vietnamese
18	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	43-44	2	11			70	KHI	Vietnamese
19	ĐÌNH VIỆT HẢI	RP3	27	1	12			70	KHI	Vietnamese
20	HOANG TRỌNG TIẾN	RP3	40-41	2	12			81	KHI	Vietnamese
21	DUƠNG MINH TUẤN	RP3	38-39	2	13			60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.529	26	143	2	13	10		
2	P7	0	0	0	0	2	40	2 + 6	CHUYỂN 06 PAX TỪ P7 SANG P3	
3	P3	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	1.529	26	143	4	53	22		
WEIGHT KG			1.529		143		53			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRẮNG-1	TO: PPD - RP2 - RP3	CREW: LHM - KHM - DUM	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3759	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	GALLYAMOV I.M.	PPD	51	1	2		80	72	KH-THAC	Russian
2	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	37	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUU HUÂN	PPD	34	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ HO HAI	PPD	38	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
5	VU CHI KIEN	PPD						78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VIET ANH	PPD	47	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHONG	PPD	53	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TU NGOC HAI	PPD	41	1	5			78	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN SON	PPD	43	1	9			60	KHI	Vietnamese
10	PHAM ĐỨC TUÂN	PPD	42	1	4			69	KHI	Vietnamese
11	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	35	1	9			58	KHI	Vietnamese
12	TRAN ĐỨC DUY	PPD	36	1	9			70	KHI	Vietnamese
13	ĐO VĂN THANH	PPD	45	1	6			84	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	PPD	40	1	5			74	KHI	Vietnamese
15	ĐO VĂN TU	PPD	39	1	5			65	KHI	Vietnamese
16	LAM QUANG NAM	PPD	49	1	10			76	KHI	Vietnamese
17	HOANG MINH HIÊU	PPD	52	1	8			70	KHI	Vietnamese
18	HUYNH NAM LONG	PPD	33	1	6			75	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC THU	PPD	48	1	6			62	KHI	Vietnamese
20	PHUNG VAN CHINH	PPD	44	1	6			80	KHI	Vietnamese
21	PHAM HONG THAI	PPD	46	1	5			66	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	50	1	4			51	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.537	21	126	05	80	13		
2	RP2	0	0	0	0	3	27	5 + 3	CHUYỀN 03 PAX RP2 - RP3	
3	RP3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.537	21	126	8	107	22		
WEIGHT KG			1.537		126		107			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS DEP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LƯU THANH HẢI
ĐẶNG QUANG KHÁI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - TD3 - CTK3	CREW: LINH - MTHAO - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3753	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	13	1	4			77	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	PPD	08	1	10			82	ANTOAN	Vietnamese
3	LIU VAN CHIEN	PPD	01	1	5			67	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD	18-19	2	4			57	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH KIM	PPD	14	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HOAI BAO	PPD	09	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	11	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	07	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	06	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH KHÔI	PPD	15	1	17			71	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC TÒN	PPD	04	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH THĂNG	PPD	05	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG VAN TANG	PPD	10	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HIỆU	PPD	02	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	20-21	2	18			75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	16	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI NGOC DUNG	PPD	17	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH HOÀ	PPD	12	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	PPD	03	1	12			89	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG LUẬN	TD3	35-37	3	19			74	DMC-MI	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC THĂNG	TD3	38,42	2	15			56	DMC-MI	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC THĂNG	TD3	40-41	2	15	3	49	59	DMC-MI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	19	1.286	21	141	0	0	15		
2	TD3	3	189	7	49	3	49	4+2	CHUYEN 02 PAX TD3-CTK3	
3	CTK3	0	0	0	0	2	35	3		
TOTAL		22	1.475	28	190	5	84	22		
WEIGHT KG			1.475		190		84			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO: P4 - BK9 - BK10	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3760	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN BACH DUONG	P4	52	1	5	3	55	71	KHI	Vietnamese
2	LE VAN HUONG	P4	53	1	5			59	KHI	Vietnamese
3	NGO THANH LAM	P4	54	1	3			65	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN MINH DUC	P4	47	1	2			99	KHI	Vietnamese
5	LUONG TUAN CHUNG	P4						73	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN QUYEN	P4	56-57	2	12			78	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HUNG	P4						75	KHI	Vietnamese
8	TRAN VAN PHUC	P4	48	1	7			68	KHI	Vietnamese
9	ZHURBIN NIKOLAY	P4	55	1	7			92	KHI	Russian
10	NGUYEN VIET THANG	P4	50	1	7			76	KHI	Vietnamese
11	VU NGOC TUAN	P4	49	1	6			81	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN CHIEN CONG	P4	51	1	4			66	KHI	Vietnamese
13	DAO VAN HOAN	P4	61	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
14	TRUONG THE HUY	P4	69-70	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
15	QUAN VAN KHANH	P4	59-60	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI DINH SANG	P4	64-65	2	11			50	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN DOAN	P4	66	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
18	BIEN VAN THIEN	P4	67	1	14	1	11	81	XAYLAP	Vietnamese
19	LE NGOC KY	P4	71-72	2	11			56	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NHAT MINH	P4	62-63	2	16			86	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN VAN HOA	P4	58	1	8			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	21	1.522	25	184	4	66	16		
2	BK9	0	0	0	0	2	28	0+1		CHUYEN 1 PAX BK9-BK10
3	BK10	0	0	0	0	1	13	6		
TOTAL		21	1.522	25	184	7	107	22		
WEIGHT KG			1.522		184		107			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DANG THUY ANH

CREW

LUU THANH HAI
DANG QUANG KHAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: VSP01 - GTC1	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3751	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHERNYSHEV V.A.	VSP01	14	1	13			112	KH-THAC	Russian
2	KOZLOV E. A.	VSP01	15	1	9			77	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	16	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THANH PHU	VSP01						69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TUAN	VSP01	18	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO XUAN DUC	VSP01	12	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG MINH	VSP01	700	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRONG CHUNG	VSP01	17	1	7	4	70	84	KH-THAC	Vietnamese
9	LE HAI NAM	VSP01	01	1	6			92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THONG	VSP01	85-86	2	17			87	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN VIET DANG	VSP01	87	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM HUY BINH	VSP01	26	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01	13	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU DINH LUC	VSP01	09	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	10-11	2	14			58	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN XUAN THUY	VSP01	25	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH VAN THON	VSP01						74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN PHI KHAI HOAN	GTC1	21	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN HUNG	GTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN SON TUNG	GTC1				1	20	75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN TUYEN	GTC1						67	KH-THAC	Vietnamese
22	LE QUANG HA	GTC1	22	1	8			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	17	1.315	17	111	4	70	17		
2	GTC1	5	371	2	13	1	20	5		
TOTAL		22	1.686	19	124	5	90	22		
WEIGHT KG			1.686		124		90			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P2 - VSP01	CREW: LINH - MTHAO - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/3754	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÔ QUỐC THÔNG	P2	97	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HOANG	P2	94	1	7	2	24	67	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MINH ĐẠT	P2	93	1	13			83	XAYLAP	Vietnamese
4	TẠ VĂN CUÔNG	P2	98-99	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	95-96	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	51	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	50	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY BÌNH	VSP01	55	1	4			90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG QUAN	VSP01	53	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	43-44	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	49	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	45	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	54	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KIM	VSP01	48	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ DUY CUÔNG	VSP01	47	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN DŨNG	VSP01	56	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TUẤN	VSP01	57	1	6			85	PSV	Vietnamese
19	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	58-59	2	11			69	PSV	Vietnamese
20	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	52	1	4			67	PSV	Vietnamese
21	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	46	1	6			61	PSV	Vietnamese
22	DANG BA ĐIỀU	VSP01	41-42	2	7			57	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	5	371	7	62	2	24	5		
2	VSP01	17	1.164	19	113	0	0	17		
TOTAL		22	1.535	26	175	2	24	22		
WEIGHT KG			1.535		175		24			

GRAND TOTAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: AMD - P2	CREW: XHOÀN - ĐNAM - THỤ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM25/3757		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN LÊ HÒA	AMD	84	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH KHA	AMD	68	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	76	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	80	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	71	1	7	2	15	63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	79	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	82	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
8	TUÔNG ANH CẠC	AMD	85	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	78	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	81	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHI CƯỜNG	AMD	83	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÕ BA THANH	AMD	77	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	75	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC THUẬN,	AMD	74	1	3			62	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐOANH	AMD	72-73	2	9			65	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VIỆT HỮU	P2	22-23	2	22			61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG SY	P2	24-25	2	21			57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI NAM	P2	17	1	9			77	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐOÀN	P2	20	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HAN VŨ	P2	21	1	7			74	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ QUANG TẠO	P2	18	1	10			74	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐỖ CÔNG PHONG	P2	19	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	15	966	16	106	2	15	15		
2	P2	7	487	9	93	0	0	7		
TOTAL		22	1.453	25	199	2	15	22		
WEIGHT KG			1.453		199		15			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

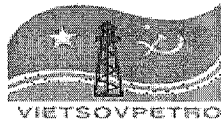
NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: TTC3 - CTK3	CREW: DUONG - SON - THANH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/3752	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TÔ HỮU THANG	TTC3	72-73	2	11			81	DK9	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	27	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG LAM	CTK3	13	1	3	3	11	67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	CTK3	14	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3	28	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
6	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	15	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	16	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG SƠN (10908)	CTK3	22-23	2	19			64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CÔNG	CTK3	25	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	18	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	CTK3	24	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	19	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH HAI (17773)	CTK3	17	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3	21	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	30	1	5			59	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HIỆU	CTK3	31	1	6			59	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐẶC NHÀ	CTK3	32	1	6			60	PSV	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	29	1	5			65	PSV	Vietnamese
19	LÊ DUY HAI	CTK3	33	1	3			72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	26	1	3			57	PSV	Vietnamese
21	TRẦN MINH TRI (2003)	CTK3	20	1	6			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC3	1	81	2	11	0	0	0		
2	CTK3	20	1.420	21	135	3	11	22	VE TU CTK3 1 KIEN-40KG	
TOTAL		21	1.501	23	146	3	11	22		
WEIGHT KG			1.501		146		11			

GRAND TOTAL: 1.658 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
B.CARD: CAM-3	TO:PPD	CREW: XHOÀN - N.CƯƠNG - MQUÂN	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3758	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRƯƠNG CÔNG THIN	PPD	40	1	8			70	QUYẾT TH	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG TŨ	PPD	41	1	9			59	QUYẾT TH	Vietnamese
3	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	44	1	6			85	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN BAN	PPD				1	46	82	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	65	1	7			66	KHI	Vietnamese
6	HOANG HUY TIẾN	PPD	49	1	4			56	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN HAI	PPD	45	1	4			71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	PPD	64	1	5			73	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU MẠNH	PPD	61	1	6	1	12	71	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CẢNH TŨ	PPD	57-58	2	19			55	KHI	Vietnamese
11	PHẠM QUANG CÔNG	PPD	59-60	2	17			59	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGHĨA	PPD	51-52	2	16			55	KHI	Vietnamese
13	TRANG NGỌC NAM	PPD	62	1	13			72	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	63	1	6			57	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN BA THÔNG	PPD	55-56	2	14			67	KHI	Vietnamese
16	HOANG NGỌC HOÀI	PPD	53	1	10	1	16	61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ ANH	PPD	46-47	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	43	1	3			74	PSV	Vietnamese
19	BUI XUÂN ĐIỆP	PPD	50	1	7			63	PSV	Vietnamese
20	LY CHUYỀN CHIÊU	PPD	39	1	5			107	PSV	Vietnamese
21	LÊ TIẾN LỢI	PPD	48	1	6			69	PSV	Vietnamese
22	VŨ THẾ LIÊN	PPD	42	1	6			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.516	26	190	3	74	22		
TOTAL		22	1.516	26	190	3	74	22		
WEIGHT KG			1.516		190		74			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: NÂU-3	TO:RP3 - PPD	CREW: LINH - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3755	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẠU ĐÌNH TÂN	RP3	55	1	5			61	KHI	Vietnamese
2	PHẠM THANH NAM	RP3	57	1	8			57	KHI	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN CHUNG	RP3	59	1	6			54	KHI	Vietnamese
4	LÊ THANH	RP3	51	1	8			58	KHI	Vietnamese
5	LÊ NAM	RP3	53	1	7			60	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HUNG	RP3	60	1	8			66	KHI	Vietnamese
7	VI ĐỨC TỰ	RP3						68	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN TIẾN	RP3	54	1	4			57	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ANH HOANG	RP3	56	1	7	2	20	55	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC HIỆP	RP3	63	1	8			81	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI THỨC	RP3	58	1	6			51	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THANH	RP3						56	KHI	Vietnamese
13	MAI MINH TIẾN	RP3	52	1	4			71	PSV	Vietnamese
14	NGÔ VĂN HIẾN	RP3	50	1	4			71	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH LAM	PPD	63	1	7			74	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN GIANG	PPD	59	1	3			64	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	62	1	2			46	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	60	1	2	2	40	67	PSV	Vietnamese
19	HỒ TRỌNG BĂNG	PPD	61	1	6			76	PSV	Vietnamese
20	HOANG QUỐC LONG	PPD						59	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN BA	PPD						68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	14	866	12	75	2	20	0		
2	PPD	7	454	5	20	2	40	22		
TOTAL		21	1.320	17	95	4	60	22		
WEIGHT KG			1.320		95		60			

GRAND TOAL: 1.475 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: T.UNG	CREW: MTIẾN - XTRƯỜNG	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/3747	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	T.UNG	64	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ MINH ĐỨC	T.UNG	68-69	2	18	1	8	94	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐẠI KHOA	T.UNG	66	1	7	4	75	69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	T.UNG	67	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	T.UNG	65	1	17			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	T.UNG	60	1	5			82	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH THANH	T.UNG	54-55	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TUNG	T.UNG	77	1	6	1	16	78	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DŨNG	T.UNG	48	1	8	1	16	73	XAYLAP	Vietnamese
10	HỒ THẾ ANH	T.UNG	61-62	2	15			61	XAYLAP	Vietnamese
11	CAO NGỌC THANH	T.UNG	58	1	10	1	17	65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG QUYÊN	T.UNG	56-57	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DUY	T.UNG	52-53	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	50-51	2	8			86	PSV	Vietnamese
15	DOAN TUAN ANH	T.UNG	63	1	7			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	15	1.064	21	176	8	132	19		
TOTAL		15	1.064	21	176	8	132	19		
WEIGHT KG			1.064		176		132			

GRAND TOAL: 1.372 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN MINH TIẾN

HÀ XUÂN TRƯỜNG

